

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2021.

V/v : “ ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Thư.

+ Ông Nguyễn Tấn Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/01/2021, về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M.N, sinh năm: 1999, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn T.T, sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.N trình bày:

Chị Nguyễn Thị M.N và anh Nguyễn T. T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau không có lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam AB vào năm 2020. Vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đánh nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị N làm đơn ly hôn anh T.T.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày: 07/9/2020. Nếu ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T.T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn T. T trình bày tại hồ sơ:

Về quan hệ hôn nhân và điều kiện kết hôn anh T.T thống nhất như chị N trình bày. Tuy nhiên vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh T.T không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ về làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày: 07/9/2020. Do không đồng ý ly hôn nên anh T.T không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến trước khi hội đồng xét xử nghị án, thư ký, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Tuấn không đến tham gia phiên tòa khi tòa triệu tập là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn T. T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T.T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2020 tại UBND xã Tam AB nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[2.1] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã đánh nhau. Anh T.T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải, giải thích pháp luật mong các bên quay về đoàn tụ, tạo điều kiện cho các bên khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên kể từ khi thụ lý vụ án tháng 01/2021 đến thời điểm xét xử, mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh T.T không thể khắc phục, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Duy và không yêu cầu anh T.T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T.T không có ý kiến gì về việc giao con cho ai.

[4.1] Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Xét thấy cháu Duy sinh năm 2020 đến nay chưa đầy một tuổi, còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy xét giao cháu Duy cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của chị N. Chị N không yêu cầu nên anh T.T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 227 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.N được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày: 07/9/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T.T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị M.N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0003136 ngày 21/01/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T.T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam AB;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Biểu